

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2026/HS-PT
Ngày 25 - 9 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Lê Quang Ninh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Chang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tham gia phiên Tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 339/2026/HSPT ngày 07 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo Hoàng Viết T.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 477/2026/HS-ST ngày 01/8/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ đối với bị cáo:

Hoàng Viết T, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1972 tại N; Căn cước công dân số 040072022321, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH; Nơi cư trú: tổ 3C, khu phố H, phường P, thành phố Đ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Nghĩa N và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 và có 02 người con sinh năm 2013 và năm 2015.

- Tiền án, tiền sự: không có

- Nhân thân:

+ Ngày 23/4/1990, bị Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Bản án số 39/1990/HSPT. Tổng hợp hình phạt là 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm.

+ Tại Bản án số 31/HSST ngày 7/3/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh N và Bản án số 1022/HSPT ngày 24/7/1995 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Tổng hợp với Bản án số 39/1990/HSPT ngày

23/4/1990 Tòa án nhân dân tỉnh N, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 09 năm tù. Buộc bị cáo nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; 50.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm 233.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại số tiền 4.682.000 đồng. Bị cáo chấp hành xong phần hình phạt tù.

+ Ngày 09/10/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N xử phạt 27 tháng tù và 4.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 415/HSST. Buộc bị cáo nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo chấp hành xong phần hình phạt tù vào tháng 6 năm 2005; Về án phí và dân sự kết quả xác minh của phòng thi hành án dân sự khu vực 1-N không có thông tin liên quan đến việc thi hành bản án của Hoàng Viết T.

+ Ngày 24/7/2002, bị Công an huyện Q, tỉnh Q xử phạt hành chính hành vi “Mua dâm” số tiền 500.000 đồng. Bị cáo đã nộp phạt.

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 23/12/2025, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Đ. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Viết T là người sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 16 giờ ngày 22/12/2025, T thuê xe mô tô chở khách (xe ôm) đi đến khu vực gần nhà nghỉ M, địa chỉ số 2E/1, khu phố T, phường T, tỉnh Đ, gặp và mua của một người thành niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy với giá 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, T vào thuê phòng 204 nhà nghỉ M, lấy một phần ma túy để sử dụng, phần còn lại T để trên bàn uống nước trong phòng 204 rồi đi ngủ.

Đến khoảng 22 giờ 25 phút cùng ngày, khi Thành đang cất giấu gói ma túy trên ở trong phòng 204 nhà nghỉ M ở địa chỉ trên để sử dụng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ kiểm tra phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Viết T khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) gói nilon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) và 01 (một) nỏ thủy tinh bên trong bám dính tinh thể màu trắng (ký hiệu M2) (Hoàng Viết T khai là ma túy tổng hợp - hàng đá) đã được niêm phong có chữ ký của Thành và dấu mộc của Công an phường T, tỉnh Đ.

- 01 chai nhựa, 01 ống hút nhựa, 01 bật lửa dùng để sử dụng ma túy.

* Tại Kết luận giám định số 3935/KL-KTHS ngày 30/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận như sau:

“Mẫu tinh thể màu trắng (ký hiệu M1) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,4322 gam, loại Methamphetamine.

“Mẫu tinh thể màu trắng bám trong nỏ thủy tinh (ký hiệu M2) được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, loại Methamphetamine. Mẫu dạng vết không xác định được khối lượng.”

* Tại Kết luận giám định số 3932/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ, kết luận như sau:

Mẫu nước tiểu thu của Hoàng Viết T (1972) được niêm phong gửi đến giám định tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine và sản phẩm chuyển hóa của Methamphetamine.

* Kết quả xét nghiệm ma túy: Hoàng Viết T dương tính với ma túy tổng hợp (hàng đá).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 477/2026/HS-ST ngày 01/8/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ đã tuyên:

Căn cứ vào:

- Điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Viết T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Viết T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2025.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/8/2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đ đã ban hành Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKSKV1, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm, không áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Viết T và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Viết T.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo không có ý kiến gì đối với kháng nghị của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ rút một phần kháng nghị đối với phần đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, giữ nguyên kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm, không áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Viết T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đ được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 336, 337 và Điều 338 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ rút một phần kháng nghị về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giữ nguyên phần kháng nghị về việc đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đ xem xét sửa một phần bản án sơ thẩm, không áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Viết T. Xét thấy việc rút một phần kháng nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận và đình chỉ phần này theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo Hoàng Viết T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đ về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tiền án theo Bản án số 31/HSST ngày 07/3/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và Bản án số 1022/HSPT ngày 24/7/1995 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt Hoàng Viết T 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân" và Bản án số 415/HSST ngày 09/10/2003 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) về tội “Đánh bạc” và áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Viết T là không có căn cứ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Tại Bản án số 31/HSST ngày 07/3/1995 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An và Bản án số 1022/HSPT ngày 24/7/1995 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt Hoàng Viết T 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân". Tổng hợp với Bản án số 39/1990/HSPT ngày 23/4/1990 Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, buộc Thành chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 09 năm tù. Buộc bị cáo nộp 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm; 233.000đ (Hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại số tiền 4.682.000đ (Bốn triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng). Qua xác minh bị cáo đã chấp hành xong phần hình phạt tù vào ngày 02/9/2000 và đã nộp án phí vào ngày 12/01/1996. Đối với phần bồi thường trách nhiệm dân sự: Người được thi hành án chưa có yêu cầu thi hành án nên cơ quan thi hành án chưa có căn cứ tổ chức thi hành.

Khoản 1 Điều 21 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993 quy định về thời hiệu thi hành án như sau *“1- Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án là cá nhân có quyền gửi đơn đến cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án. Hết thời hạn đó, nếu người được thi hành án không yêu cầu thi hành, thì bản án, quyết định hết hiệu lực thi hành.”*

Điểm d.1 Điều 11 Nghị quyết số 01/2000/NQ-HDDTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“d.1- Đã hết thời hiệu thi hành án đối với các quyết định về tài sản trong bản án hình sự, nếu hết thời hạn quy định tại Điều 21 Pháp lệnh Thi hành án dân sự mà không có trở ngại khách quan, nhưng người được thi hành án không có đơn gửi cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án hoặc trong trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án phải chủ động ra quyết định thi hành án, nhưng đã không ra quyết định thi hành án.*

Ví dụ: Hết thời hạn 3 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, cá nhân được Tòa án quyết định trả lại tài sản hoặc bồi thường thiệt hại mặc dù không có trở ngại khách quan, nhưng không có đơn gửi cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án, thì quyết định về trả lại tài sản hoặc bồi thường thiệt hại này của Tòa án hết hiệu lực thi hành.”

Căn cứ vào các quy định trên, do bị hại không có đơn yêu cầu thi hành án đối với phần bồi thường thiệt hại về tài sản và bản án đã hết thời hiệu thi hành nên bị cáo đương nhiên được xóa án tích.

[3.2] Đối với Bản án số 415/HSST ngày 09/10/2003 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 27 tháng tù và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) về tội “Đánh bạc”. Buộc bị cáo nộp 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo chấp hành xong phần hình phạt tù vào ngày 11/6/2005.

Kết quả xác minh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An trả lời: Hiện Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An không có hồ sơ lưu trữ thi hành án của Hoàng Viết T đối với bản án trên. Như vậy, không có tài liệu khách quan do cơ quan thi hành án cung cấp để xác định bị cáo còn chưa chấp hành các nghĩa vụ tài chính nêu trên. Ngoài ra, bị cáo cũng xác định do thời gian đã lâu nên bị cáo không nhớ đã nộp số tiền này chưa chứ không xác định là bị cáo chưa nộp.

Mặt khác, đối với các quyết định về phạt tiền, án phí thì thủ trưởng cơ quan thi hành án phải chủ động ra quyết định thi hành án kể từ khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993. Theo quy định này, cơ quan thi hành án phải ra quyết định thi hành án đối với phần hình phạt tiền và án phí đối với bị cáo theo Bản án số 415/HSST ngày 09/10/2003 Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Việc cơ quan thi hành án không có hồ sơ lưu trữ không đồng nghĩa với việc bị cáo chưa thi hành các phần này mà do lỗi của cơ quan nhà nước trong việc lưu trữ hồ sơ nên phải áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Không thể vì bị cáo trình bày không nhớ, không có tài liệu chứng minh mình đã nộp tiền và không có hồ sơ thi hành án được lưu trữ tại cơ quan thi hành án dân sự mà suy diễn theo hướng bất lợi rằng bị cáo chưa chấp hành hình phạt tiền và án phí. Việc xác định bị cáo còn án tích phải dựa trên căn cứ pháp lý và tài liệu chứng minh cụ thể; trường hợp không

có tài liệu chứng minh nghĩa vụ thi hành án còn tồn tại thì cần xem xét, đánh giá theo hướng bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, tránh việc kéo dài tình trạng án tích chỉ do thiếu tài liệu lưu trữ của cơ quan nhà nước.

[3.3] Đối chiếu các quy định hiện hành, điểm b khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự quy định về “Thời hiệu thi hành bản án”, khoản 3 Điều 70 Bộ luật Hình sự quy định về “Thời hạn đương nhiên được xóa án tích”, Điều 3 Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐTP ngày 10/6/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “Về thời hiệu thi hành bản án quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự thì người bị kết án đương nhiên được xóa án tích, nếu từ khi hết thời hiệu thi hành bản án, người đó không thực hiện hành vi phạm tội mới trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự. Do đó, các bản án trên đã hết thời hiệu thi hành án nên Hoàng Việt T đương nhiên được xóa án tích.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp được coi là “*tái phạm nguy hiểm*” và bị cáo phải chịu tiết định khung hình phạt quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do những tình tiết này không xác định là án tích mà chỉ được coi là nhân thân của bị cáo khi đánh giá áp dụng hình phạt. Bị cáo tàng trữ 0,4322 gam ma túy, loại Methamphetamine nên hành vi của bị cáo cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện có tác hại rất lớn đối với xã hội và người sử dụng, mọi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đều bị pháp luật nghiêm cấm. Bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật đã thực hiện hành vi như đã nêu trên. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, xét nhân thân của bị cáo rất xấu, từng nhiều lần bị kết án về nhiều hành vi phạm tội: “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa” và “Trộm cắp tài sản công dân” tại bản án số 39/1900/HSPT ngày 23/4/1900 của TAND tỉnh Nghệ An, tội “Trộm cắp tài sản công dân” theo Bản án số 1022/1995/HSPT ngày 24/7/1995 của TAND tối cao tại Hà Nội, tội “Đánh bạc” theo Bản án số 415/2003/HSST ngày 09/10/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ngoài ra, bị cáo cũng từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Mua dâm” năm 2002. Như vậy, có thể thấy bị cáo là người có ý thức coi thường pháp luật, không có ý thức tự ăn năn, hối cải, tự cải tạo bản thân nên cần xem xét một mức hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trong môi trường có sự quản lý của Nhà nước để sau khi chấp hành hình phạt trở về địa phương, biết tôn trọng pháp luật và tôn trọng tài sản của người khác, cũng đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348, điểm đ khoản 2 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đ đối với việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Hoàng Viết T.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đ:

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 477/2026/HS-ST ngày 01/8/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đ theo hướng:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Hoàng Viết T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Viết T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2025.

3. Tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Viết T 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

4. Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đ;
- PV 06 CA thành phố Đ;
- TAND, VKSND KV1 – Đ;
- Thi hành án dân sự thành phố Đ;
- Trại tạm giam số 1 – CATP Đ;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Bình

